



TÍNH CHÂN THỰC CỦA DI SẢN VĂN HÓA VÀ CÂU CHUYỆN LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

TS. BÙI HOÀI SƠN*

1. Những tranh luận về tính chân thực của di sản văn hóa

Một trong những băn khoăn của các nhà quản lý, nghiên cứu và cả người dân liên quan là tính chân thực của di sản văn hóa. Trên thực tế, khái niệm tính chân thực (authenticity) của di sản văn hóa đã tạo ra nhiều tranh cãi, cả ủng hộ lẫn phản đối; cả thừa nhận và không thừa nhận.

Nhiều học giả cho rằng, tính chân thực là yếu tố quan trọng nhất xác định bản chất của di sản văn hóa. Nhờ tính chân thực, di sản văn hóa có thể được xác định một cách khách quan. Như vậy, tính chân thực là thước đo giá trị của di sản văn hóa.

Chúng ta đã không ít lần phải nhờ cậy đến khoa học để đi tìm tính chân thực của các di sản văn hóa. Khi làm rõ được tính chân thực của các di sản văn hóa, mọi tranh cãi đều được giải quyết. Ví dụ: nhờ dùng các phương pháp phân tích di truyền quần thể (population genetics), các nhà nghiên cứu kết luận rằng, con người thời đồ đá đã di cư từ Phi châu sang đến Đông Nam Á vào khoảng 60 ngàn năm về trước và sau đó đã di chuyển lên phía Bắc Á (kể cả Trung Quốc ngày nay) và Siberia. Phát hiện này giúp các nhà khoa học biết được nguồn gốc của các nhóm người. Những phát hiện khảo cổ học hay phân định bằng đồng vị carbon C14 là những giải pháp thường được đưa ra để chứng minh cho các giả thuyết đi tìm

* Phó Viện trưởng

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

tính chân thực của các di sản văn hóa cũng như vậy. Các mẫu than lấy từ lòng tháp ở độ sâu gần 3 m đưa đi phân tích phóng xạ carbon C14 tại Viện Khảo cổ học Hà Nội và Trung tâm Hạt nhân TP. Hồ Chí Minh đã chứng minh rằng, niên đại của di chỉ Cát Tiên có thể sớm hơn, khoảng từ thế kỷ IV đến thế kỷ VIII sau Công nguyên, khác với nhận định lâu nay của nhiều nhà khoa học (thế kỷ VII - IX).

Sự chính xác của khoa học trong việc xác định tính chân thực của di sản văn hóa như vậy, đóng vai trò quan trọng để thống nhất đánh giá và nhận thức về di sản văn hóa ấy.

Tuy vậy, với các di sản văn hóa vật thể, việc xác định tính chân thực của nó tương đối chính xác, song đối với các di sản văn hóa phi vật thể, việc xác định tính chân thực này không hẳn đã như vậy. Đặc biệt, câu hỏi xác định tính chân thực của di sản để làm gì và cho ai rất quan trọng, nhưng không phải lúc nào cũng đạt được sự đồng thuận.

Các học giả nhiều nước, đặc biệt các nước nói tiếng Anh như Herbert¹, Tunbridge và Ashworth², Hitchcock³,... không cho rằng tính chân thực của di sản văn hóa, trong đó có những di sản văn hóa phi vật thể, lại quá quan trọng trong việc quản lý và phát huy di sản văn hóa. Một trong những ví dụ tiêu biểu minh họa cho tính chân thực của di sản văn hóa không quan trọng đối với việc quản lý, khai thác và phát huy di sản văn hóa là trường hợp bảo tàng dành cho thám tử Sherlock Holmes ở phố Baker, London và khu rừng ở Nottingham của Robin

Hood, hai sản phẩm thuộc trí tưởng tượng của các nhà văn Anh đã trở thành di sản văn hóa thu hút khách du lịch ở nước này. Dù rằng hai nhân vật Sherlock Homes và Robin Hood không có thật trong lịch sử, nhưng do nhu cầu của xã hội hiện đại, những câu chuyện kể cả những vật dụng của hai nhân vật trên được hiện thực hoá như ngôi nhà của Sherlock Holmes ở phố Baker với các vật dụng của ông như chiếc gậy, cái mũ, những quyển sách... hay khu rừng được cho là nơi từng diễn ra những cảnh cướp của người giàu chia cho người nghèo của Robin Hood⁴.

Khi chúng ta nói về "di sản văn hóa như là một sự thực mang tính lịch sử", chúng ta cũng cần lưu ý đến một quan điểm khoa học là, chân lý khách quan phụ thuộc vào hoàn cảnh (không gian - thời gian - cách tiếp cận) và quan điểm về sự tồn tại của một vài chân lý khách quan. Ý tưởng này dẫn chúng ta đến một nghi ngờ khoa học về tính "chân lý khách quan" của một sự vật hay hiện tượng. Trong trường hợp của di sản văn hóa, các di sản văn hóa tồn tại như một sự thực khách quan, được biện giải bởi những chứng cứ khoa học và lịch sử. Tuy nhiên, chúng ta cũng đồng ý rằng, khi lịch sử được xử lý thành di sản văn hóa, bằng chứng khoa học đã mất đi giá trị của nó, để "di sản văn hóa tạo ra hiện thực riêng cho nó" (Herbert, Tr. 22).

Các nhà khoa học xã hội hiện nay luôn đặt ra câu hỏi rất thực tế: di sản văn hóa cho ai? di sản văn hóa là một sản phẩm của thời hiện tại, phát triển nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của hiện tại đối với nó và được định hình bởi những yêu cầu ấy. Nó tạo ra hai loại liên kết liên thế hệ theo đó cả hai đều được xác định bởi thời hiện tại. Thời hiện tại lựa chọn một di sản văn hóa từ một quá khứ được mừng tượng ra cho mục đích hiện tại và quyết định những gì nên được chuyển giao cho một tương lai mà xã hội ấy mong chờ. Đây chỉ là một sự mở rộng của ý tưởng rằng, "tất cả lịch sử đều là lịch sử đương đại"; "quá khứ thông qua con mắt của thời hiện tại". Chính vì vậy, cả lịch sử và di sản văn hóa sử dụng quá khứ một cách có lựa chọn cho mục đích hiện thời và biến đổi nó thông qua sự giải thích. Lịch sử là những gì mà một nhà lịch sử xem rằng,

có giá trị để ghi chép lại và di sản văn hóa là những gì mà xã hội đương đại lựa chọn để kế thừa và chuyển giao cho các thế hệ tương lai. Michael Hitchcock cho rằng, di sản văn hóa không đơn thuần chỉ là quá khứ. Quá khứ là nguyên liệu ban đầu để cho mỗi thế hệ phát hiện lại di sản văn hóa cho chính mình (Hitchcock, Tr. 201).

Ngày nay, người ta cho rằng, di sản văn hóa là một dạng sản phẩm văn hóa, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện tại. Với tư cách là một sản phẩm văn hóa, di sản văn hóa có những logic vận hành phù hợp với vai trò của nó trong xã hội hiện tại. Theo Getz⁵, các lễ hội có vai trò quan trọng đặc biệt như kích thích nhu cầu thăm quan của khách du lịch, tạo tính hấp dẫn cho điểm thăm quan, xây dựng hình ảnh cho một vùng đất cũng như là tác nhân kích thích phát triển đô thị, xã hội, hình thành du lịch thay thế và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững (Getz, Tr. 5). Còn Ringer⁶ cho rằng, thứ nhất di sản văn hóa được xem như một nguồn lực về văn hóa có giá trị trong tự bản thân nó; thứ hai, di sản văn hóa được xem như một nguồn lực về chính trị trong việc tạo nên sự ủng hộ của người dân đối với chính quyền; thứ ba, di sản văn hóa được xem như một nguồn lực về kinh tế thông qua các hỗ trợ hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp cho các hoạt động kinh tế ấy (Ringer, Tr. 63).

2. Tính chân thực trong các lễ hội truyền thống của Việt Nam

Với các lễ hội truyền thống ở Việt Nam, nhiều lễ hội được xem là truyền thống hiện nay được xây dựng trên những truyền thuyết lịch sử của cộng đồng địa phương nhằm tôn vinh truyền thống địa phương, các truyền thuyết đó có thể có thật, cũng có thể không có thật. Sự thật (tính chân thực) ấy khó có thể xác nhận được bởi bất kỳ một phương pháp khoa học nào.

Chúng ta biết rằng, những nhân vật được tôn thờ ở các di tích không hẳn lúc nào cũng xác định được nguồn gốc. Ngay cả khi có nguồn gốc, lai lịch, thần tích rõ ràng về những nhân vật được tôn thờ này như Mai Hắc Đế, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... thì không ít lớp văn hóa chồng lấp lên việc thờ cúng này đã khiến cho việc nhận diện tính chân



thực trong việc thờ cúng (thờ cúng nhân vật lịch sử hay tín ngưỡng phồn thực hoặc một lớp tín ngưỡng nào đó) trở nên không khả thi. Các nhà quản lý và các nhà khoa học muốn truy nguyên nguồn gốc của các lễ hội để trên cơ sở đó tuyên truyền, phát huy truyền thống văn hóa đó đối với cộng đồng. Điều này là một điều không phải là không nên làm. Tuy nhiên, đây là một công việc khó khăn, đòi hỏi nhiều sự giải mã qua các lớp thời gian, các sự kiện. Nhiều sự kiện của quá khứ không có nhiều manh mối có thể tìm kiếm ở thời kỳ hiện tại. Điều này càng khó khăn hơn đối với các sự tích, truyền thuyết vốn là hạt nhân tín ngưỡng của các lễ hội truyền thống. Bên cạnh đó, một điều quan trọng là, người dân địa phương đã chấp nhận các câu chuyện truyền thuyết của cộng đồng họ, mà không cần bất cứ một sự giải thích khoa học nào. Họ tiến hành lễ hội dựa trên những câu chuyện đó mà không cần bất cứ lý do khoa học nào can thiệp. Ví thế, ở lễ hội đền Tống Trân (Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên), người dân ở đây luôn tin rằng, vị thánh của mình (Tống Trân) là một vị lưỡng quốc nguyên (như câu chuyện trong vở Tống Trân - Cúc Hoa) mà không nhất thiết phải đi tìm bia đá hay cứ liệu lịch sử nào chứng minh cho sự tồn tại của vị thánh của họ. Điều này tồn tại ở đa số các làng quê Việt Nam. Vì lẽ đó, nếu những lý giải khoa học đi ngược lại nguyện vọng tổ chức lễ hội của họ dựa trên những câu chuyện kể từ quá khứ thì công việc tổ chức, quản lý lễ hội nói riêng, di sản văn hóa nói chung ở các địa phương sẽ gặp rất nhiều khó khăn không đáng có. Chính vì vậy, chủ trương không phục hồi hay thông tin đến người dân về các lễ hội có nguồn gốc xuất xứ của lễ hội không rõ ràng sẽ gây ra những vấn đề về quản lý lễ hội mà chúng ta đã từng chứng kiến, như tổ chức lễ hội "chui", hình thành nên lai lịch "giả" cho các vị thần được tôn thờ...

Chúng tôi cho rằng, độ chân thực của các lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng trong lễ hội nằm trong trải nghiệm của từng cá nhân và vì vậy không thể chỉ xác định một cách khách quan được. Ví dụ, nhiều người đi chùa Hương vì tin rằng, sau khi đi đủ ba lần, các ước mơ, cầu xin của họ sẽ thành sự thật. Nhiều người đến Yên Tử cũng gửi gắm một tâm nguyện là trong đời

có một lần đến đất Phật, khi qua đời sẽ được siêu thoát. Lễ hội đền Đồng Bằng, Phủ Giày chính là những nơi nổi tiếng về hầu đồng. Lễ khai ấn đền Trần có nhiều người đến tham dự cũng có một phần lý do vì được truyền rằng, lễ hội này rất thiêng, đặc biệt vào thời điểm khai ấn, ai được "ấn" sẽ được thăng quan tiến chức. Thậm chí bản thân trong một lễ hội mục đích đi lễ của những nhóm người cũng hoàn toàn khác nhau: có người cầu tiền tài, có người cầu con, có người cầu sức khỏe. Tất cả những điều này có thể được lý giải một phần từ sự trải nghiệm của mỗi cá nhân. Nếu họ tin tưởng và cho rằng, lễ hội đó giúp ích cho họ ở một lĩnh vực nhất định nào đó, họ sẽ tham gia bất chấp những khuyến cáo khoa học hay của dư luận xã hội thông qua các phương tiện truyền thông của Nhà nước.

Như vậy, ở đây, tính chân thực của di sản văn hóa được phán xét một cách chủ quan bởi người tham gia. Tính chân thực của các hiện tượng này phụ thuộc vào mức độ trải nghiệm của người tham dự vào các hoạt động đó, chứ không phụ thuộc vào các nhà khoa học hay các nhà quản lý. Bất chấp mọi sự giải thích, các biện pháp tuyên truyền, người dân luôn tin vào các trải nghiệm thực tế của mình và những người xung quanh. Người dân đến với hội bà Chúa Kho vì họ tin rằng, hành vi xin tiền của mình có tác dụng trên thực tế và không quan tâm đến những giải thích bà Chúa Kho có thực trong lịch sử hay không. Người dân còn tiếp tục thực hiện những hành vi mà chúng ta gọi là "mê tín dị đoan" đến khi nào họ còn cảm thấy việc thực hiện các hành vi còn có hiệu quả đối với bản thân họ. Những hình thức cấm đoán sẽ không mang lại hiệu quả như mong muốn.

3. Thay lời kết

Tính chân thực của một di sản văn hóa nói chung, lễ hội truyền thống nói riêng là một trong những vấn đề đang được đặt ra đối với quá trình tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống. Trên thực tế, tính chân thực trong các lễ hội luôn bị đặt dấu hỏi và tạo ra nhiều tranh luận (như lễ khai ấn đền Trần chẳng hạn) nhưng nó thực sự không ảnh hưởng lắm đến niềm tin tín ngưỡng của người dân. Không có nhiều người nghi ngờ về việc thánh làng mình có tồn tại thật hay không tồn tại thật, cũng không nghi ngờ

liệu việc xin ấn của mình có đem lại quyền chức thật sự hay không. Đây không phải là câu hỏi nhất định phải tìm kiếm câu trả lời. Mọi người đến với lễ hội vì một niềm tin tín ngưỡng. Chính vì vậy, việc đánh giá niềm tin ấy là mê tín hay không mê tín là một đánh giá thừa, không phù hợp. Nhiều lễ hội truyền thống của chúng ta thờ những nhân vật huyền thoại, không có trong bất kỳ sách lịch sử nào, nhưng người dân ở cộng đồng có các vị thần đó vẫn tin vào thánh của cộng đồng mình. Đó mới là điều quan trọng nhất. Chúng ta cần phải thừa nhận với nhau rằng, có rất nhiều niềm tin tín ngưỡng tồn tại mà không có căn cứ khoa học. Việc quản lý lễ hội truyền thống không nhất thiết phải truy tìm nguyên do chân thực. Cách tốt nhất cho những xử lý của chúng ta hiện nay phải chăng là quản lý các lễ hội này theo các sự vận hành, hoạt động thực tế của chúng vào thời điểm hiện tại.

Việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống được thực hiện vì nhiều mục đích khác nhau: của cả các nhà quản lý văn hóa - xã hội và người dân. Khi người dân thực sự có nhu cầu tổ chức lễ hội, đây là nhu cầu chính đáng của họ. Về phương diện quản lý nhà nước đối với hoạt động này, ngành Văn hóa có thể không cho phép mở bất cứ lễ hội nào mà người dân có nhu cầu mà không phù hợp với mục đích quản lý của mình, tuy nhiên, việc tổ chức một lễ hội có nhiều mục đích và ngành Văn hóa có thể đưa những mục đích của mình để định hướng cho việc tổ chức lễ hội. Các lễ hội được mở nhất thiết cần phải tôn trọng chính sách và luật pháp của Nhà nước. Chúng ta cũng đã có những chế tài rất rõ ràng về vấn đề này. Vì vậy, nếu việc khôi phục, tổ chức các lễ hội không vi phạm đến những chế tài đã được đưa ra, không có lý do gì để ngành Văn hóa - Thông tin không cho phép các lễ hội này được tổ chức.

Tóm lại, di sản văn hóa là một quá trình chọn lọc từ quá khứ những vấn đề phù hợp với mong muốn của xã hội hiện tại. Chính vì vậy, chúng ta cần chú trọng đến hoạt động thực tế của các lễ hội truyền thống này hơn là đi tìm kiếm câu trả lời đúng - sai về nguồn gốc xuất xứ của các lễ hội, hay tính chân thực của di sản văn hóa./

B.H.Đ

Chú thích:

- 1- Herbert, D. T. (ed.) (1995), *Heritage, Tourism and Society*, London: Mansell Publishing Limited.
- 2- Tunbridge, J. E., and Ashworth G. J. (1996), *Dissonant Heritage: The Management of the Past as a Resource in Conflict*, Chichester, John Wiley & Sons.
- 3- Hitchcock, M. (1997), "Heritage for whom? Tourism and Local Communities", in Nuryanti, W. (1997), 'Tourism and Heritage Management', Gadjah Mada University Press, pp. 201 - 211.
- 4- Shackley M (2001), "The legend of Robin Hood: Myth, Inauthenticity, and Tourism Development in Nottingham, England", in Smith V. L., and Brent M., (eds.) *Hosts and Guests Revisited: Tourism Issues of the 21st Century*. New York: Cognizant Communication Corporation, pp. 315 - 322.
- 5- Getz, D. (1990), *Festivals, Special Events, and Tourism*, New York: Van Nostrand Reinhold.
- 6- Ringer, G. (ed.) (1998), *Destinations: Cultural Landscapes of Tourism*, London, Routledge.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Getz, D. (1990), *Festivals, Special Events, and Tourism*, New York: Van Nostrand Reinhold.
- 2- Herbert, D. T. (ed.) (1995), *Heritage, Tourism and Society*, London: Mansell Publishing Limited.
- 3- Hitchcock, M. (1997), "Heritage for whom? Tourism and Local Communities", in Nuryanti, W. (1997), 'Tourism and Heritage Management', Gadjah Mada University Press, pp. 201 - 211.
- 4- Ringer, G. (ed.) (1998), *Destinations: Cultural Landscapes of Tourism*, London, Routledge.
- 5- Shackley M (2001), "The legend of Robin Hood: Myth, Inauthenticity, and Tourism Development in Nottingham, England", in Smith V. L., and Brent M., (eds.) *Hosts and Guests Revisited: Tourism Issues of the 21st Century*. New York: Cognizant Communication Corporation, pp. 315 - 322.
- 6- Tunbridge, J. E., and Ashworth G. J. (1996), *Dissonant Heritage: The Management of the Past as a Resource in Conflict*, Chichester, John Wiley & Sons.

Bùi Hoài Sơn: The Authenticity of Cultural Heritage and the Story of Traditional Festivals in Vietnam

It is clear that authenticity is always putted many questions and kick up many debates. In the paper, the author mentions the flexibility in dealing with the authenticity of heritage, and put forward a solution so that the management of traditional festival is not only for finding its authenticity. The best answer is to manage traditional festival in accordance with its real activities and functions in contemporary society.